TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT
Ngày 04-01-2022
V/v đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán:	Ông Nguyễn Trung Dũng
	Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc "Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thành S (tên gọi khác: L), sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Trần Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà H trình bày:

Nguyên trước đây, bà T có làm chủ hụi và bà H là hụi viên.

Ngày 05/9/2011, bà H và ông S có tham gia một dây hụi tháng do bà T làm chủ hụi. Hụi 5.000.000 đồng, có 39 phần. Bà H và ông S tham gia 02 phần. Bà H và ông S đóng hụi cho bà T từ tháng 9 năm 2011 cho đến tháng 11 năm 2013 được 20 tháng thì bà T úp hụi, không tiếp tục nữa. Tổng số tiền bà H và ông S đóng cho bà T hai phần là 200.000.000 đồng. Sau đó, bà T làm ăn thua lỗ không tiếp tục làm chủ hụi. Ngày 05/11/2013, bà T có viết giấy nợ hứa mỗi tháng trả cho bà H, ông S một phần hụi với số tiền là 8.400.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà T cam kết trả đầy đủ hàng tháng thì bà H, ông S sẽ tính tiền gốc cho bà T.

Mặc dù đã cam kết, nhưng bà T không thực hiện đúng thỏa thuận. Sau một thời gian dài bà T chỉ trả được cho bà H, ông S số tiền 22.500.000 đồng. Bà H, ông S có yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ còn lại là 177.500.000 đồng nhưng bà T cứ hẹn lần lượt, kéo dài thời gian.

Ngày 25/11/2014, bà H và chồng là ông Lê Thành S có làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Ngày 07/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã xét xử bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2015/DS-ST về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự nợ hụi và vay tài sản" và tuyên xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi nợ hụi và vay tài sản" của ông Lê Thành S và bà Dương Thị H đối với bà Trần Thị Bích T. Buộc bà Trần Thị Bích T trả cho ông Lê Thành S và bà Dương Thị H số tiền 167.100.000 đồng.

Ngày 30/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 124/2015/DS-PT về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi" tuyên xử như sau: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2015/DS-ST ngày 07/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, chuyển giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử lại vụ án. Lý do hủy án: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp hụi và khi hòa giải cũng là tranh chấp hụi. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H bổ sung yêu cầu buộc bà T trả số tiền nợ vay còn thiếu 30.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý. Với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý vụ án vay tài sản nên vụ án vay tài sản để giải quyết bằng vụ án khác. Thế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong cùng vụ án tranh chấp hụi là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương chuyển giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử lại vụ án thì bà H rút đơn khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2020, bà H khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán cho bà H và ông S số tiền hụi còn nợ là 177.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 95.020.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T thanh toán số tiền hụi gốc mà bà H, ông S đã đóng cho bà T là 82.480.000 đồng (sau khi khấu trừ số tiền bà T đã trả là 22.500.000 đồng). Cụ thể: Tháng 9 năm 2011, đóng 3.300.000 đồng; tháng 10 năm 2011, đóng 5.000.000 đồng; tháng 11 năm 2011, đóng 3.050.000 đồng; tháng 12 năm 2011, đóng 2.800.000 đồng; tháng 01 năm 2012, đóng 2.500.000 đồng; tháng 5 năm 2012, đóng 3.000.000 đồng; tháng 6 năm 2012, đóng 2.850.000 đồng; tháng 7 năm 2012, đóng 2.700.000 đồng; tháng 8 năm 2012, đóng 2.800.000 đồng; tháng 9 năm 2012, đóng 2.550.000 đồng; tháng 10 năm 2012, đóng 2.700.000 đồng; tháng 11 năm 2012, đóng

2.700.000 đồng; tháng 12 năm 2012, đóng 2.550.000 đồng; tháng 01 năm 2013, đóng 2.320.000 đồng; tháng 5 năm 2013, đóng 2.300.000 đồng; tháng 6 năm 2013, đóng 2.140.000 đồng; tháng 7 năm 2013, đóng 1.790.000 đồng; tháng 8 năm 2013, đóng 1.950.000 đồng; tháng 9 năm 2013, đóng 1.890.000 đồng; tháng 10 năm 2013, đóng 1.600.000 đồng. Tổng số tiền bà H, ông S đóng cho bà T một phần là 52.490.000 đồng. Bà H, ông S tham gia 02 phần nên đóng tổng cộng là 104.980.000 đồng.

Ngoài ra bà H không có ý kiến nào khác.

- Theo bản tự khai ngày 19/3/2021, bị đơn bà T trình bày:

Bà T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H vì dây hụi mở từ ngày 5/9/2011 và kết thúc ngày 5/11/2013. Kể từ ngày kết thúc dây hụi đến nay đã hơn 03 năm nhưng bà H không thực hiện quyền khởi kiện. Do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

Do đó, bà T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Do bà T yêu cầu Tòa án áp dụng theo thời hiệu khởi kiện nên bà không đề cập đến nội dung vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H với lý do giữa bà T, bà H và ông Nguyễn Văn T đã thỏa thuận là bà H sẽ lấy tiền hụi từ ông Nguyễn Văn T nên bà T không còn trách nhiệm gì với số tiền hụi mà bà T nợ bà H.

Bà T thừa nhận việc bà H không đồng ý thỏa thuận giao nợ ngày 10/6/2014 giữa bà T, bà H, ông T và đã gạch bỏ thỏa thuận này. Khi lập lại thỏa thuận mới thì ông T không đồng ý nên không thành.

Ngoài ra bà T không có ý kiến gì khác.

- Theo bản tự khai ngày 19/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S trình bày:

Ngày 05/9/2011, ông S và bà H có tham gia chơi 02 phần hụi 5.000.000 đồng/tháng do bà Trần Thị Bích T làm chủ hụi. Hụi mỗi tháng khui một lần, hụi khui được 20 lần thì ông S và bà H đều đóng đủ cho bà T (20 phần x 02 phần). Còn lại 19 phần hụi sống (trong đó có 02 phần hụi của ông S và bà H) thì bà T không khui hụi nữa nên ông S và bà H chưa được hốt hụi. Đến ngày 05/11/2013, các bên lập lập văn bản thỏa thuận là bà T sẽ thu tiền của 20 phần hụi chết để trả cho mỗi hụi viên 4.200.000 đồng/tháng/phần, biên bản họp các hụi viên được các bên thừa nhận có ký tên lăn tay, nhưng sau đó bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S và bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền hụi còn nợ cho ông S và bà H là 177.500.000 đồng thì ông S thống nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S thống nhất với ý kiến của bà H là yêu cầu bà T thanh toán lại số tiền hụi gốc mà ông bà đã đóng cho bà T là 82.480.000 đồng.

Ngoài ra ông S không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp đòi tài sản (tiền hụi)" của bà Dương Thị H đối với bà Trần Thị Bích T.

Buộc bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị H và ông Lê Thành S số tiền 82.480.000 đồng (tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 95.020.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2021, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét áp dụng thời hiệu đối với số tiền hụi 82.480.000 đồng vì thời hiệu đã hết.

Tại phiên tòa, bị đơn xác định chỉ kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với số tiền 82.480.000 đồng, đối với quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 95.020.000 đồng thì bị đơn không kháng cáo.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện nên các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ hụi 82.480.000 đồng là số tiền nợ hụi mà bà T nợ bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu là phù hợp theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Dân sự. Đối với số tiền nợ hụi, bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 82.480.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền trên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Bích T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Bà T chỉ kháng cáo phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với phần Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị H và ông Lê Thành S số tiền 82.480.000 đồng. Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 95.020.000 đồng thì bị đơn không kháng cáo. Xét thấy, phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 95.020.000 đồng; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị và đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định nên phần quyết định này đã phát sinh hiệu lực pháp

luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi nội dung kháng cáo của bị đơn.

[2] Ngày 25/11/2014, bà H và ông S khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Ngày 07/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã xét xử bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2015/DS-ST. Sau đó, bà T kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 124/2015/DS-PT ngày 30/7/2015 tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2015/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Ngày 06/10/2015, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý lại vụ án. Ngày 19/11/2015, bà H rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số 205/2015/QĐST-DS ngày 19/11/2015. Ngày 30/10/2020, bà H khởi kiện lại vụ án, bà H khởi kiện yêu cầu đòi tài sản là tiền hụi gốc mà bà H đã giao cho bà T. Do bà H khởi kiện đòi lại tài sản thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà T là phù hợp.

[3] Tuy nhiên, khi giải quyết lại vụ án, Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thị Kim P, là Hội thẩm nhân dân đã tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2015/DS-ST ngày 07/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nay lại tiếp tục tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 là đã vi phạm khoản 3 Điều 53 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng theo quy định pháp luật nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị Bích T.

2. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp

luật, như sau: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 95.020.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Bích T không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Thị Bích T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057957 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết